

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2018-2019
PHÂN THEO KHOA NGHỀ

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	556	1	2	0,36	12	2,16	34	6,12	488	87,77	20	3,60	
	Điện tử công nghiệp	63	0	0	0,00	2	3,17	5	7,94	53	84,13	3	4,76	
	CNKT Điện_Điện tử	338	5	11	3,25	12	3,55	31	9,17	226	66,86	58	17,16	
	Cơ điện tử	110	1	2	1,82	2	1,82	9	8,18	88	80,00	9	8,18	
	CNKT ĐK Tự động	144	1	4	2,78	4	2,78	6	4,17	123	85,42	7	4,86	
	Điện công nghiệp	206	4	0	0,00	11	5,34	56	27,18	117	56,80	22	10,68	
	Điện tử công nghiệp	40	1	0	0,00	0	0,00	1	2,50	33	82,50	6	15,00	
	CNKT Điện_Điện tử	86	0	0	0,00	0	0,00	3	3,49	60	69,77	23	26,74	
	Cơ điện tử	41	0	0	0,00	1	2,44	8	19,51	28	68,29	4	9,76	
2	Điện lạnh	118	0	0	0,00	1	0,85	2	1,69	107	90,68	8	6,78	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	143	1	0	0,00	2	1,40	12	8,39	127	88,81	2	1,40	
	VH - SC thiết bị lạnh	185	0	0	0,00	1	0,54	8	4,32	169	91,35	7	3,78	
	CNKT Nhiệt	115	0	0	0,00	6	5,22	21	18,26	81	70,43	7	6,09	
	Lắp đặt thiết bị lạnh	81	0	0	0,00	0	0,00	1	1,23	75	92,59	5	6,17	
	CNKT Nhiệt	36	0	0	0,00	0	0,00	4	11,11	28	77,78	4	11,11	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	41	0	0	0,00	0	0,00	1	2,44	32	78,05	8	19,51	
	VH - SC thiết bị lạnh	92	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	89	96,74	3	3,26	
3	Cơ điện	14	0	0	0,00	0	0,00	3	21,43	10	71,43	1	7,14	
	Cơ điện tử	11	0	0	0,00	0	0,00	2	18,18	9	81,82	0	0,00	
	KT-BT-SC máy CNC	16	0	0	0,00	0	0,00	2	12,50	14	87,50	0	0,00	
	Bảo trì HT - TB - CN	45	0	2	4,44	1	2,22	4	8,89	37	82,22	1	2,22	
	Cắt gọt kim loại	33	0	0	0,00	0	0,00	5	15,15	28	84,85	0	0,00	
	CNKT Cơ khí	716	4	1	0,14	22	3,07	98	13,69	565	78,91	30	4,19	
	CN Chế tạo máy	339	2	5	1,47	17	5,01	34	10,03	275	81,12	8	2,36	
	Cắt gọt kim loại	43	0	0	0,00	1	2,33	5	11,63	34	79,07	3	6,98	
	Cơ khí chế tạo	31	0	0	0,00	0	0,00	2	6,45	22	70,97	7	22,58	
	CNKT Cơ khí	118	0	1	0,85	2	1,69	9	7,63	93	78,81	13	11,02	

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	1925	10	12	0,62	55	2,86	234	12,16	1572	81,66	52	2,70	
	BT & SC Ô Tô	29	0	0	0,00	0	0,00	5	17,24	23	79,31	1	3,45	
	Công nghệ Ô Tô	462	3	1	0,22	2	0,43	24	5,19	378	81,82	57	12,34	
5	CN May & Thời trang	84	77	3	3,57	5	5,95	13	15,48	59	70,24	4	4,76	
	Công nghệ May	144	134	13	9,03	30	20,83	56	38,89	44	30,56	1	0,69	
	CN May & Thời trang	104	91	0	0,00	1	0,96	7	6,73	79	75,96	17	16,35	
6	Công nghệ phần mềm	51	3	0	0,00	0	0,00	4	7,84	45	88,24	2	3,92	
	Mạng MT, QT Mạng	173	14	0	0,00	4	2,31	17	9,83	139	80,35	13	7,51	
	An ninh mạng	16	0	0	0,00	0	0,00	1	6,25	12	75,00	3	18,75	
	CNKI Máy tính	96	1	0	0,00	2	2,08	10	10,42	80	83,33	4	4,17	
	CN Web, TK Web	61	5	0	0,00	0	0,00	6	9,84	54	88,52	1	1,64	
	Tin học ứng dụng	46	3	0	0,00	4	8,70	6	13,04	35	76,09	1	2,17	
	Thiết kế đồ họa	53	7	0	0,00	5	9,43	9	16,98	39	73,58	0	0,00	
	Thương mại điện tử	14	2	0	0,00	2	14,29	0	0,00	12	85,71	0	0,00	
	Lập trình máy tính	125	6	0	0,00	1	0,80	15	12,00	102	81,60	7	5,60	
	Quản trị MMT	152	7	0	0,00	0	0,00	8	5,26	116	76,32	28	18,42	
	Lập trình máy tính	100	7	0	0,00	1	1,00	8	8,00	79	79,00	12	12,00	
	An ninh mạng	38	4	1	2,63	4	10,53	8	21,05	25	65,79	0	0,00	
	CNKI phần cứng MT	73	0	0	0,00	0	0,00	7	9,59	62	84,93	4	5,48	
	Thiết kế trang Web	55	6	0	0,00	0	0,00	3	5,45	49	89,09	3	5,45	
	Tin học ứng dụng	102	25	0	0,00	5	4,90	6	5,88	74	72,55	17	16,67	
	Thiết kế đồ họa	77	22	0	0,00	0	0,00	12	15,58	62	80,52	3	3,90	
7	Kế toán doanh nghiệp	137	114	2	1,46	13	9,49	33	24,09	84	61,31	5	3,65	
	Quản trị doanh nghiệp	115	64	3	2,61	3	2,61	13	11,30	89	77,39	7	6,09	
	Kế toán doanh nghiệp	104	90	0	0,00	3	2,88	15	14,42	78	75,00	8	7,69	
	Quản trị doanh nghiệp	153	90	1	0,65	2	1,31	11	7,19	125	81,70	14	9,15	
	Tài chính doanh nghiệp	18	9	0	0,00	0	0,00	2	11,11	14	77,78	2	11,11	

S TT	NGÀNH	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
8	Tiếng Anh	90	53	0	0,00	12	13,33	19	21,11	59	65,56	0	0,00	
	Tiếng Anh	196	121	0	0,00	1	0,51	8	4,08	151	77,04	36	18,37	
9	Kỹ thuật Xây dựng	57	1	2	3,51	1	1,75	15	26,32	37	64,91	2	3,51	
	Kỹ thuật Xây dựng	20	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	19	95,00	1	5,00	
TỔNG TOÀN TRƯỜNG		8.631	989	66	0,76	253	2,93	941	10,90	6.807	78,87	564	6,53	10 BLKQ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



*Đinh Hồng Minh

